TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 26/4/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 26/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-KDTM, ngày 14/01/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-KDTM ngày 14/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-KDTM, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) V**; Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D**,** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần R, ông Trần Đình L và ông Lê Đăng H (*theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Văn bản ủy quyền số 2932/2018/UQ-VPB ngày 23/10/2018 của ông Phạm Anh T; chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, V Hội sở*). Ông Trần R. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH B**; Địa chỉ trụ sở: Số 33 đường K, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật ông Phan Quang M; Chức vụ: Giám đốc, ủy quyền cho ông Hà Đồng T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số 63 đường H, quận H, TP Đà Nẵng. Ông T có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Phan Quang M**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 26, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.Vắng mặt.

2. Ông **Lê Quốc N**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Quan N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 260817-3950056-01-SME ngày 31/08/2017 (Kèm theo Khế ước nhận nợ 260817-3950056-01-SME ngày 01/09/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PL ngày 30/08/2017; Khế ước nhận nợ 080917-3950056-01-SME ngày 08/09/2017) thì Công ty TNHH B vay của VPBank - Chi nhánh Đà Nẵng với tổng số tiền là: 185.000.000 đồng *(một trăm tám mươi lăm triệu đồng)*;

thời hạn vay 36 tháng; lãi suất trong hạn và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22%/năm (với phương thức tính lãi quy định tại hợp đồng cho vay với 1 năm là 360 ngày). Mức lãi suất theo quy đổi 365 ngày là 22.3%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên ngày 01/10/2017 với mức lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm và ký điều chỉnh là một tháng cộng biên độ 14,5% /năm; kỳ hạn trả nợ: Trả gốc: 1 tháng/1 lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01/10/2017. Trả lãi: 1 tháng/1 lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 01/10/2017;

Đối với Khế ước nhận nợ (KƯNN) số: 080917-3950056-01-SME; số tiền vay: 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), ngày vay: 08/9/2017; thời hạn vay: 36 tháng; trả gốc: 1 tháng/1 Lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 08/10/2017. Trả lãi: 1 tháng/1 Lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 08/10/2017; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Tiền phạt chậm trả lãi được tính bằng công thức: số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì cá nhân ông Phan Quang M và Lê Quốc N đã cam kết thống nhất thỏa thuận thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho Công ty TNHH B và dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phát sinh, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí phát sinh từ hợp đồng cho vay từng lần và ủy quyền cho ngân hàng được tự mình yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của bên bảo lãnh và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: 260817-3950056-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2017 của Phan Quang M đã ký với VPBank; Theo hợp đồng bảo lãnh số: 260817-3950056-02-SME/HĐBL ngày 30/08/2017 giữa ông Lê Quốc N và ông Phan Quang M với VPBank.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05/3/2019 Công ty TNHH B còn nợ VPBank số tiền là: Nợ gốc: 143.904.000 đồng; Nợ lãi trong hạn phải trả: 38.186.726 đồng; Phạt chậm trả lãi: 1.641.225 đồng; Tổng cộng: 183.731.951 đồng *(một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi mốt đồng).* Ngày 23/4/2019 Công ty B đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc: 106.507.000 đồng; tiền lãi quá hạn: 20.155.431 đồng và tiền phạt chậm trả: 325.773 đồng. Đến ngày 26/4/2019 Công ty B còn nợ Ngân hàng số tiền của KƯNN số LD 1725100914 là 43.181.799 đồng; trong đó tiền gốc: 28.327.000 đồng; tiền lãi quá hạn: 14.165.993 đồng và phạt chậm trả lãi: 688.806 đồng; KƯNN số 1724400366 là 12.121.564 đồng; trong đó tiền gốc: 9.070.000 đồng; tiền lãi quá hạn: 2.910.970 đồng và phạt chậm trả lãi: 140.594 đồng; Tổng cộng hai KƯNN là 55.303.363 đồng; trong đó tiền gốc: 37.397.000 đồng; lãi quá hạn: 17.076.963 đồng và tiền phạt chậm trả lãi: 829.400 đồng nên Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH B phải thanh toán toàn cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả lãi như đã nêu trên.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH B thực tế thanh toán

hết nợ cho VPBank.

Trường hợp Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đề nghị tòa án buộc ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng bảo lãnh mà ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N đã ký với VPBank.

Trong trường hợp Công ty TNHH B, ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Vpbank, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty TNHH B và hoặc ông Phan Quang M, Lê Quốc Nị để thu hồi khoản nợ vay.

Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn Công ty B có ý kiến: Công ty thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Công ty còn nợ số tiền như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, do khó khăn về kinh tế nên Công ty chưa thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ như cam kết trong Hợp đồng vay từng lần cho Ngân hàng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ số nợ còn lại đến ngày 26/4/2019 bào gồm nợ gốc; nợ lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi tổng cộng là 53.303.363 đồng thì Công ty đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết toàn bộ nợ gốc và xin được miễn toàn bộ lãi, nếu Công ty không trả được nợ thì bên bảo lãnh là ông M và ông N đồng ý trả nợ thay cho Công ty và dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Biên bản hòa giải Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nghị có ý kiến: Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Công ty B nếu Công ty không trả được nợ thì ông Minh và ông đồng ý trả nợ thay cho Công ty và dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án KDTM về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người liên quan là ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người liên quan.

[2] Về nội dung: Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 260817-3950056-01-SME ngày 31/08/2017 (Kèm theo Khế ước nhận nợ 260817-3950056-01-SME ngày 01/09/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PL ngày 30/08/2017; Khế ước nhận nợ 080917-3950056-01-SME ngày 08/09/2017) thì Ngân hàng TMCP V cho Công ty

TNHH B vay với tổng số tiền là: 185.000.000 đồng *(một trăm tám mươi lăm triệu đồng)*; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 36 tháng; lãi suất trong hạn và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22%/năm. Mức lãi suất theo quy đổi 365 ngày là 22.3%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 01/10/2017 với mức lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm và ký điều chỉnh là một tháng cộng biên độ 14,5% /năm; kỳ hạn trả nợ: Trả gốc: 1 tháng/1 Lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01/10/2017. Trả lãi: 1 tháng/1 Lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01/10/2017;

[3] Đối với Khế ước nhận nợ (KƯNN) số: 080917-3950056-01-SME; số tiền vay: 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), ngày vay: 08/9/2017; thời hạn vay: 36 tháng; trả gốc: 1 tháng/1 Lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 08/10/2017. Trả lãi: 1 tháng/1 Lần vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 08/10/2017; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;

[4] Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì cá nhân ông Phan Quang M và Lê Quốc N đã cam kết ông Phan Quang M và Lê Quốc N thống nhất thỏa thuận thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho Công ty TNHH B và dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phát sinh, tiền bồi thường thiệt hại, theo Hợp đồng bảo lãnh số: 260817-3950056-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2017 giữa Phan Quang M đã ký với VPBank và Hợp đồng bảo lãnh số: 260817-3950056-02-SME/HĐBL ngày 30/08/2017 giữa ông Lê Quốc N với VPBank.

[5] Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân chuyển vào tài khoản cho Công ty B, Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc 147.603.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn cũng như lãi phạt chậm trả đến ngày 26/4/2019. Hiện nay Công ty B còn nợ Ngân hàng số tiền 55.303.363 đồng; trong đó tiền gốc: 37.397.000 đồng; lãi quá hạn: 17.076.963 đồng và tiền phạt chậm trả lãi: 829.400 đồng.

[6] Tại phiên tòa Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty B phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi là 55.303.363 đồng và tiếp tục tính lãi trong hạn và quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho VPBank.

[7] Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị tòa án buộc ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH B và dùng toàn bộ tài sản hiện có của ông M và ông N để đảm bảo khả năng thực hiện trả số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo các hợp đồng bảo lãnh mà ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N đã ký với VPBank.

[8] Bị đơn Công ty B thừa nhận Công ty còn nợ số tiền như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, do khó khăn về kinh tế nên Công ty chưa thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ như cam kết trong Hợp đồng vay từng lần cho Ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ số nợ còn lại đến ngày 26/4/2019 bao gồm nợ gốc; nợ lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi tổng cộng là 53.303.363 đồng thì Công ty đồng ý trả nhưng xin

được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết toàn bộ nợ gốc và xin được miễn toàn bộ lãi.

[9] Người liên quan ông N cũng thống nhất như ý kiến của đại diện theo ủy quyền của Công ty và nếu Công ty không trả được nợ thì ông và ông M đồng ý trả nợ thay và dùng toàn bộ tài sản riêng của mình để thự hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty.

[10] Xét yêu cầu của Ngân hàng V và ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng như người liên quan thì thấy: Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số: 260817-3950056-01-SME ngày 31/08/2017 (Kèm theo Khế ước nhận nợ 260817-3950056-01-SME ngày 01/09/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PL ngày 30/08/2017; Khế ước nhận nợ 080917-3950056-01-SME ngày 08/09/2017) giữa Ngân hàng V và Công ty B là hợp đồng vay tín chấp không đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã nhận đủ số tiền để bổ sung vốn kinh doanh là 185.000.000 đồng Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng được được số tiền gốc 147.603.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn cũng như lãi phạt chậm trả đến ngày 26/4/2019. Hiện nay Công ty B còn nợ Ngân hàng số tiền 55.303.363 đồng; trong đó tiền gốc: 37.397.000 đồng; lãi quá hạn: 17.076.963 đồng và tiền phạt chậm trả lãi: 829.400 đồng (lãi tính đến ngày 26/4/2019). Hiện tại đã quá thời hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nhưng Công ty vẫn chưa thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần và Khế ước nhận nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 55.303.363 đồng; trong đó tiền gốc: 37.397.000 đồng; lãi quá hạn: 17.076.963 đồng và tiền phạt chậm trả lãi: 829.400 đồng (lãi tính đến ngày 26/4/2019) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[11] Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH B và dùng toàn bộ tài sản hiện có của ông M và ông N để đảm bảo khả năng thực hiện trả số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo các hợp đồng bảo lãnh mà ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N đã ký với VPBank.

[12] Về án phí KDTM sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 55.303.363 đồng = 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng vay từng lần" của Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Công ty TNHH B.

2. Xử: Buộc Công ty TNHH B phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền: 55.303.363 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm lẻ ba ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng); trong đó tiền gốc: 37.397.000 đồng; lãi quá hạn: 17.076.963 đồng và tiền phạt chậm trả lãi: 829.400 đồng (lãi tính đến ngày 26/4/2019).

Công ty TNHH B còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP V kể từ ngày 27/4/2019, bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số: 260817-3950056-01-SME ngày 31/08/2017 (Kèm theo Khế ước nhận nợ 260817-3950056-01-SME ngày 01/09/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PL ngày 30/08/2017; Khế ước nhận nợ 080917-3950056-01-SME ngày 08/09/2017) đã ký với Ngân hàng V cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

Nếu Công ty không trả được nợ thì cá nhân ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH B và dùng toàn bộ tài sản riêng của mình để đảm bảo khả năng trả toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng, theo các hợp đồng bảo lãnh số 260817-3950056-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 260817-3950056-02-SME/HĐBL ngày 30/08/2017 giữa ông Phan Quang M và ông Lê Quốc N với VPBank.

3. Án phí KDTM sơ thẩm: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), Công ty TNHH B phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 3.965.061 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi mốt đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 4473 ngày 10 tháng 01 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lưu Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**